

CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYỄN *

Khái niệm chính sách kế toán được đề cập trong các chuẩn mực kế toán ở VN từ khi hệ thống chuẩn mực kế toán ban hành vào năm 2001. Tuy nhiên, nhận thức cơ sở lý thuyết của vấn đề này để vận dụng chính sách kế toán là vấn đề cần được trao đổi về mặt học thuật. Trên cơ sở tiếp cận định tính, bài viết này bàn đến mối quan hệ giữa chính sách kế toán với các lý thuyết kinh tế nhằm đề xuất khung cơ sở xây dựng chính sách kế toán trong các doanh nghiệp ở nước ta.

Từ khóa: Chính sách kế toán, bất cân xứng thông tin, mâu thuẫn đại diện.

1. Đặt vấn đề

Chính sách kế toán là toàn bộ các nguyên tắc, các phương pháp kế toán mà mỗi doanh nghiệp lựa chọn, xây dựng để tiến hành đo lường và công bố thông tin tài chính của mình cho người sử dụng. Khái niệm chính sách kế toán hình thành ở VN từ khi chuẩn mực kế toán được xây dựng và nó ngày càng là mối quan tâm không chỉ của các chuyên gia kế toán mà còn là của kiểm toán viên, nhà đầu tư và nhiều đối tượng khác; vì mỗi lựa chọn chính sách kế toán đều ảnh hưởng đáng kể đến số liệu tài chính công bố ra bên ngoài. Ở các nước kế toán có bề dày phát triển lâu đời, nhiều nghiên cứu thực nghiệm (Leftwich, 1981; Hagerman, 1979; Holthausen, 1990; Gopalakrishnan, 1994; Fields và cộng sự, 2001...) về việc vận dụng chính sách kế toán luôn được quan tâm vì nó liên quan đến hành vi quản trị lợi nhuận, dòng tiền trong quan hệ với sử dụng nợ vay, cổ tức phân chia cho cổ đông trong ngắn hạn và dài hạn. Ở các công ty cổ phần, việc lựa chọn hay thay đổi chính sách còn luôn quan tâm đến những phản ứng từ thị trường. Nói cách khác, các nghiên cứu này luôn có những cơ sở lý thuyết kinh tế cần trao đổi và đang được kiểm nghiệm ở các nước trên thế giới.

Ở nước ta, vấn đề chính sách kế toán mới được đưa vào trong các văn bản của chuẩn mực kế toán (VAS 21, VAS 29). Vì vậy, để tổ chức vận dụng chính sách kế toán trong thực tiễn cần bàn luận bản chất và nội dung của nó. Bài viết này nhằm bàn đến

cơ sở lý thuyết và định hướng xây dựng chính sách kế toán trong các doanh nghiệp ở VN.

2. Chính sách kế toán và mối liên hệ với lý thuyết kinh tế

Định nghĩa về chính sách kế toán trong đoạn 13 (VAS 21 – Chuẩn mực trình bày BCTC) có nêu “Chính sách kế toán bao gồm những nguyên tắc, cơ sở và các phương pháp kế toán được doanh nghiệp áp dụng trong quá trình lập và trình bày BCTC”. Những nội dung này cũng được đề cập trong định nghĩa ở đoạn 5 (IAS 8) của kế toán quốc tế. Định nghĩa trên cho thấy chính sách kế toán liên quan đến cả quá trình đo lường và công bố thông tin của một doanh nghiệp. Chính vì vậy mà trong các đoạn 67-71 của VAS 21 cũng đã nêu rõ các yêu cầu công bố về chính sách kế toán. Tổng hợp từ các nội dung có liên quan trong chuẩn mực ở VN, có thể thấy nội dung chính sách kế toán bao gồm ba phần lớn:

Đó là những nguyên tắc chung mà tất cả mọi doanh nghiệp phải áp dụng, như cơ sở dồn tích, nguyên tắc kê kế toán, nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc giá gốc ...

Chính sách kế toán là những lựa chọn về phương pháp kế toán trong khuôn khổ phạm vi từng chuẩn mực cho phép, tùy thuộc vào đặc điểm của giao dịch, điều kiện và khả năng vận dụng của từng doanh nghiệp. Chẳng hạn, với tính giá hàng tồn kho DN có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp, lựa chọn phương pháp khấu hao TSCĐ...

Chính sách kế toán còn là những phương pháp mà doanh nghiệp tự xây dựng và phát triển do bản thân chuẩn mực không thể bao quát hết mọi vấn đề trong thực tiễn.

Như vậy, nếu yếu tố đầu tiên thể hiện tính nguyên tắc thì hai yếu tố sau thể hiện tính linh hoạt của kế toán, gắn liền với đặc thù quản lý của từng doanh nghiệp và tác động trực tiếp đến lợi ích các bên có liên quan (ngân hàng, nhà đầu tư, thuế...). Vì vậy, có thể coi chính sách kế toán do ban quản lý công ty đề xuất, nhưng phải được sự phê chuẩn, chấp thuận của kiểm toán để giảm thiểu rủi ro về công bố thông tin cho bên ngoài. Trên phương diện các lý thuyết kinh tế, cần bàn luận vấn đề này để có cách thức vận dụng hợp lý chính sách kế toán của doanh nghiệp.

Modigliani & Miller (1958) trong một công trình nghiên cứu về “Chi phí vốn, tài chính công ty và lý thuyết đầu tư” đã đưa ra những giả định để bàn về cấu trúc vốn và giá trị doanh nghiệp, trong đó có giả định về không có thuế thu nhập DN và sự cân xứng thông tin trong quá trình ra quyết định. Cơ sở giả định này đã được nhiều nhà nghiên cứu mở rộng trong nhiều lĩnh vực, trong đó có kế toán. Fields & cộng sự (2001) cho rằng trong một thị trường đầy đủ và hoàn hảo thì càng ít sự lựa chọn chính sách kế toán, hay vai trò của chính sách kế toán rất nhỏ bé. Mặc dù những giả định trên không tồn tại trong thực tế, nhưng nếu tồn tại thì cũng có nghĩa không cần đến kế toán và lựa chọn chính sách kế toán. Lý do là sự tồn tại của thuế hay khả năng tiếp cận thông tin về doanh nghiệp không như nhau đã ảnh hưởng rất lớn đến xây dựng chính sách kế toán ở DN. Những giả định của lý thuyết Modigliani & Miller đã dẫn đến nền tảng xây dựng chính sách kế toán liên quan đến hai lý thuyết là mâu thuẫn đại diện (Jensen và Meckling, 1976) và sự bất cân xứng về thông tin (Myers và Majluf, 1984).

Mâu thuẫn đại diện (Agency problems) có thể được phân thành mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài. Mâu thuẫn bên trong là mâu thuẫn giữa người chủ doanh nghiệp và người quản lý, mà ở đó người chủ sở hữu mong muốn vốn đầu tư được sử dụng tốt nhất và có hiệu quả; ngược lại người quản lý lợi dụng việc điều hành DN để có những tư lợi riêng cho mình, hoặc kì vọng kết quả điều hành của mình

được người chủ thừa nhận. Mâu thuẫn này chỉ tồn tại ở các DN mà người sở hữu không phải là người quản lý DN. Mâu thuẫn bên ngoài là mâu thuẫn giữa doanh nghiệp với người tài trợ (ngân hàng), hay giữa cổ đông tiềm tàng với cổ đông hiện tại. Đó là khi tiếp cận các khoản nợ từ bên ngoài, người tài trợ mong muốn các khoản tài trợ sử dụng hiệu quả, được hoàn cả vốn lẫn lãi trong khi khả năng tài chính của DN không phải lúc nào cũng thuận lợi. Những mâu thuẫn trên càng bộc lộ rõ ra khi BCTC được công bố ra bên ngoài. Chính vì thế, các chính sách kế toán lựa chọn trong khuôn khổ chuẩn mực cho phép có thể ảnh hưởng đến số liệu trên BCTC để giải quyết mâu thuẫn trên. Chẳng hạn, chủ DN đánh giá nguồn lực của mình sử dụng tốt hay không qua con số lợi nhuận để lại và cổ tức nhận được. Chính điều này dẫn đến khả năng người quản lý chọn lựa chính sách kế toán có xu hướng làm tăng lợi nhuận. Một kết quả tài chính tốt thể hiện qua các chỉ tiêu ROE, ROA có thể làm người quản lý được tăng lương, thưởng... Tương tự là trường hợp doanh nghiệp cần khoản tài trợ từ ngân hàng. Người tài trợ thường mong đợi bên đi vay có tình hình tài chính tốt, và xu hướng này dẫn đến khả năng doanh nghiệp lựa chọn chính sách kế toán thỏa mãn nhu cầu bên tài trợ. Nói cách khác, sự tồn tại mâu thuẫn đại diện đã dẫn đến người quản lý lựa chọn chính sách kế toán để giảm thiểu các xung đột về lợi ích của các bên có liên quan.

Bất cân xứng thông tin (Asymmetric information) được hiểu là các bên có liên quan không thể tiếp cận thông tin như nhau về doanh nghiệp khi đầu tư. Thông thường, người bên trong doanh nghiệp (người quản lý, cổ đông đa số) có đầy đủ thông tin nhiều hơn người bên ngoài (ngân hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư tiềm tàng). Điều này ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định của người đầu tư và các bên có liên quan. Trên phương diện chính sách kế toán, người bên trong DN thường hiểu rõ “thực, hư” việc lựa chọn chính sách kế toán và những ảnh hưởng của chúng đến thời gian, độ lớn và rủi ro các dòng tiền trong tương lai so với người bên ngoài. Vì vậy, có thể kích bản chính sách kế toán được xây dựng theo hướng làm tăng lợi nhuận để tăng giá cổ phiếu, trong khi thực sự kết quả kinh doanh của doanh nghiệp không như vậy. Rõ ràng trong trường hợp đó, nhà đầu tư sẽ bất lợi khi đầu tư vào doanh nghiệp có

những tiềm ẩn hoạt động không tốt. Một ví dụ khác là trường hợp định giá tài sản của một DNNN chuẩn bị cổ phần hóa. Do nhận thấy nhiều nhà xưởng, thiết bị có những vị trí kinh doanh thuận lợi nên việc đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa theo giá thấp để người ưu tiên mua cổ phiếu hưởng lợi về giá cho đến khi công ty đã cổ phần hóa. Trong trường hợp này, sự bất cân xứng thông tin đã mang lại lợi ích cho một nhóm nhỏ người có thông tin thực về giá trị của DN. Do vậy, việc công bố minh bạch chính sách kế toán như là cơ sở để giải quyết bất cân xứng thông tin giữa người bên trong và bên ngoài DN. Ở góc độ đó, vận dụng chính sách kế toán không chỉ đơn thuần chỉ là việc lựa chọn các công cụ đo lường mà cần phải công bố công khai chính sách kế toán của chính doanh nghiệp một cách kỹ lưỡng để người sử dụng có điều kiện ra quyết định. Đó là lý do vì sao cả VAS 21 (đoạn 67-71) hay IAS 1 (đoạn 7-12) đều nhấn mạnh đến công bố thông tin chính sách kế toán và những thay đổi chính sách kế toán một cách rõ ràng, tin cậy, dễ hiểu cho người sử dụng.

3. Vận dụng chính sách kế toán trong các doanh nghiệp ở VN

Cho đến nay, chưa có những nghiên cứu toàn diện về vận dụng chính sách kế toán trong các DN ở nước ta. Tuy nhiên, có thể nhận diện vấn đề này qua phương pháp chuyên gia. Ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), khái niệm chính sách kế toán còn rất mới mẻ. Qua trao đổi với nhiều kế toán viên ở các DNNVV hay người làm dịch vụ kế toán ở các doanh nghiệp, một câu trả lời phổ biến là *‘kế toán chỉ quen việc thao tác với các nguyên tắc tính giá tài sản, ghi nhận doanh thu, xác định lợi nhuận’*. Kế toán ở nhiều doanh nghiệp thực hiện chỉ theo mục đích tính thuế nên trong nhiều trường hợp, việc lựa chọn phương pháp kế toán phù hợp với yêu cầu của thuế, và điều này làm giảm thiểu vai trò của chọn lựa chính sách kế toán. Một hiện tượng khác ở các DNNVV là việc “chạy” số liệu vào cuối năm tài chính để điều chỉnh lợi nhuận. Ý niệm về “chạy” số liệu được hiểu là kế toán sẽ có những điều chỉnh về phân bổ chi phí, hay trích trước chi phí, hợp lý hóa chứng từ sao cho lợi nhuận ở mức có thể chấp nhận, ít đóng thuế thu nhập hay đảm bảo lãi chia cho cổ đông như đã công bố. Trao đổi về vấn đề này, nhiều kế toán không hình dung việc lựa chọn một cách

thức phân bổ chi phí trả trước có thể là một dấu hiệu của chính sách kế toán. Tương tự là các trường hợp về tính khấu hao, tính giá sản phẩm dở dang để tính giá thành sản phẩm... Từ những trường hợp trên, có thể thấy rằng nhận thức của người làm kế toán về chính sách kế toán chưa rõ ràng, và họ chưa có phương án cụ thể để đảm bảo việc hạch toán có tính hệ thống ngay từ đầu năm tài chính. Từ khi có QĐ 48 về chế độ kế toán cho DNNVV, công tác lập BCTC ở nhóm doanh nghiệp này đã cải tiến đáng kể, nhưng phần thuyết minh BCTC vẫn còn trình bày rất sơ sài, đặc biệt là các thông tin liên quan đến chính sách kế toán. Nói cách khác, kế toán được hiểu như là phương tiện để ghi chép một cách đơn thuần, chứ chưa thật sự là công cụ quản trị lợi nhuận và tác động đến cộng đồng kinh doanh.

Ở các DN có quy mô lớn, đặc biệt là các công ty niêm yết, khái niệm chính sách kế toán không phải là mới, và những biểu hiện cụ thể của nó là việc công bố các chính sách kế toán trên thuyết minh BCTC. Qua khảo sát thuyết minh BCTC của các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, cơ khí, du lịch, thương mại, phát hành sách, dược phẩm, xây dựng... công bố tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và TP.HCM; có thể phát hiện một số vấn đề sau:

- Có sự giống nhau về lời văn thuyết trình các chính sách kế toán giữa các doanh nghiệp. Chẳng hạn về chính sách kế toán liên quan đến hàng tồn kho, nhiều công ty đều trình bày như nhau “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có hàng tồn kho ở trạng thái sẵn sàng sử dụng...”. Phần giải trình bằng lời nói trên gần như trùng với nội dung trong các chuẩn mực kế toán trong khi mỗi doanh nghiệp hoạt động ở một lĩnh vực đặc thù riêng, như trường hợp của Công ty CP sách và thiết bị trường học TP.HCM, Công ty CP văn hóa du lịch Gia Lai, Công ty CP Lilama 10, Công ty CP Dược Hậu Giang... Rất nhiều lựa chọn phương pháp kế toán tham chiếu theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về lập dự phòng, tính khấu hao... nhưng những cách thức cụ thể hơn để vận dụng thì không ghi rõ trên thuyết minh.

- Nội dung của các chính sách kế toán còn rất đơn điệu, chủ yếu tập trung vào những vấn đề, như: tính giá hàng tồn kho, phương pháp khấu hao TSCĐ, hạch toán ngoại tệ... Trong khi đó, nhiều nội dung khác về tài sản vô hình, các hoạt động đầu tư tài chính, phân bổ chi phí trả trước hay trích trước chi phí rất ít được đề cập hoặc đề cập sơ sài. Chẳng hạn: thuyết minh về phân bổ chi phí trả trước của Công ty CP đầu tư và phát triển SACOM trình bày rất chung chung "...phân bổ căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý". Đây không chỉ là trường hợp của SACOM mà còn là của nhiều công ty khác khi phân tích kế hoạch phân bổ chi phí trả trước hay chi phí phải trả.

- Rất ít các công bố về sự thay đổi các chính sách kế toán và những ảnh hưởng của nó đến lợi nhuận cũng như số liệu trên BCDKT. Điều này đặt thêm hoài nghi vì tính đa dạng trong các nghiệp vụ kinh tế và những tác động tiêu cực đến người sử dụng thông tin kế toán.

Tổng hợp những vấn đề trên, có thể dự báo hiện tượng bất cân xứng thông tin đã tồn tại ngay chính trên BCTC của các công ty niêm yết, và chính điều này làm người đầu tư không hiểu rõ thực hư con số trên BCTC được công bố, nhất là những trường hợp liên quan đến chính sách kế toán mang tính lựa chọn hay xét đoán của doanh nghiệp. Những vấn đề này đặt thêm nghi vấn về công việc kiểm toán đường như xem nhẹ tầm quan trọng của việc công bố các chính sách kế toán ở doanh nghiệp khi công bố thông tin. Sự bất cân xứng thông tin đã kéo theo mâu thuẫn đại diện mà hệ lụy của nó là chi phí đại diện (agency costs) sẽ cao hơn khi một công ty phát hành chứng khoán hay tiếp nhận các khoản tín dụng từ bên ngoài. Trên phương diện toàn xã hội, đây là một sự lãng phí vô cùng lớn.

Những phân tích trên đây cho thấy, vận dụng chính sách kế toán không chỉ xem đến phía doanh nghiệp và còn xem xét đảm bảo lợi ích cho người sử dụng. Bài viết này đề xuất khung cơ sở để xây dựng chính sách kế toán ở doanh nghiệp như sau:

Bước 1: Căn dựa trên mục tiêu tài chính trong ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp. Nội dung này thường gắn với ý định của chủ DN, Hội đồng thành viên trong công ty TNHH hay Hội đồng quản trị về

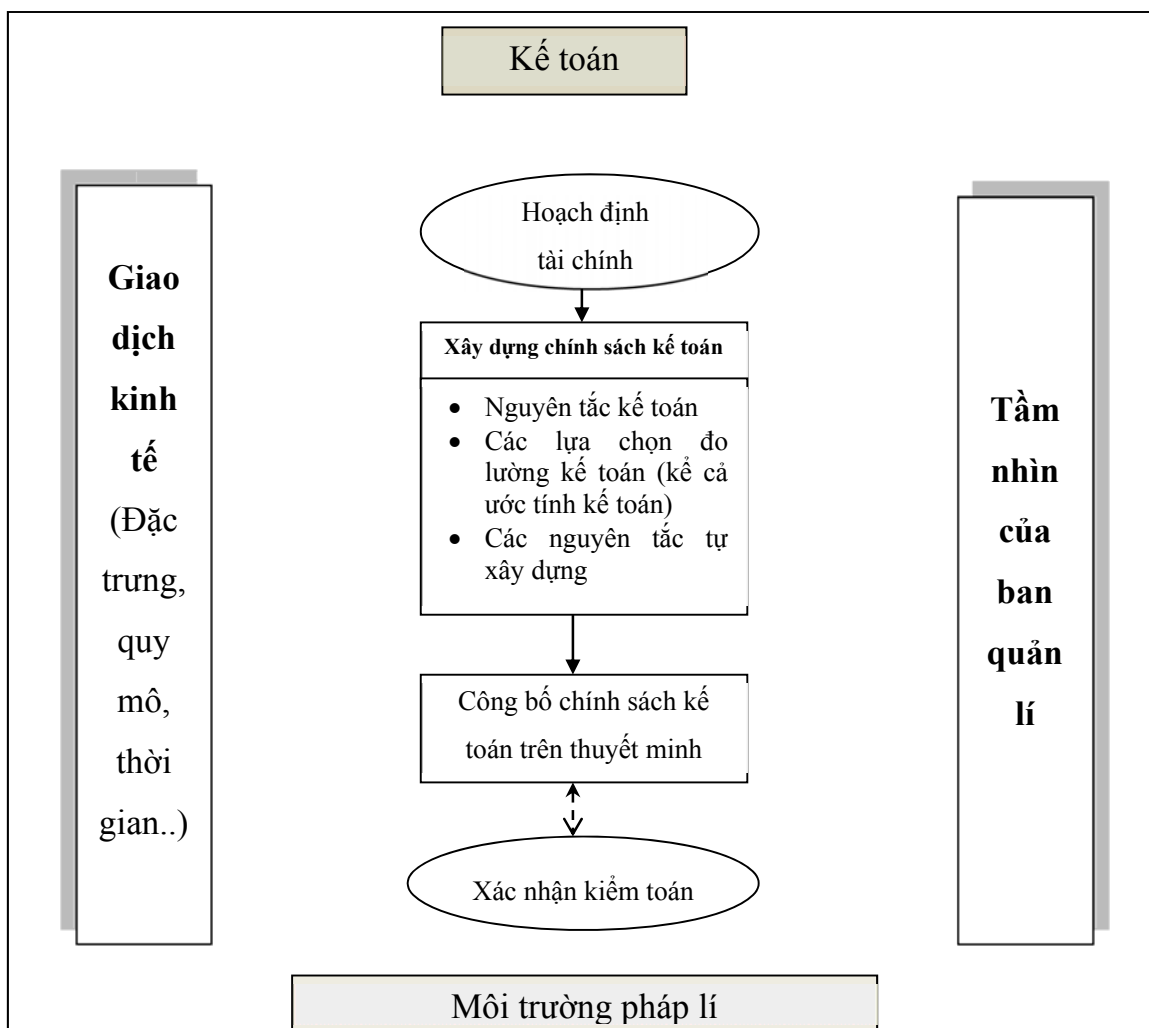
các thông số tài chính (ROS, ROA, ROE, EPS...) và cả các mục tiêu đầu tư dài hạn. Như vậy, hoạch định tài chính là định hướng quan trọng để có thể xác lập các chính sách kế toán phù hợp với mục tiêu của người quản lý, hạn chế mâu thuẫn nội tại giữa chủ doanh nghiệp, người quản lý và kế toán trưởng. Nó còn hạn chế tình trạng chạy số liệu, hay sự không chủ động của người làm kế toán, làm phát sinh thêm nhiều chi phí kế toán vào những tháng gần kết thúc năm tài chính.

Việc hoạch định tài chính ở đây có liên quan đến tầm nhìn của người quản lý trong từng thời kỳ, trong đó hướng đến lợi ích cổ đông về cổ tức và giá cổ phiếu, liên quan đến quản lý dòng tiền trong quan hệ với qui định thuế của cơ quan thuế, hoặc các nhà tài trợ lớn. Như vậy, khâu hoạch định tài chính thực chất đang giải quyết vấn đề mâu thuẫn đại diện bên ngoài và ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ công việc kế toán.

Bước 2: Xây dựng các chính sách kế toán ở DN. Để có một định hướng tốt, cần phân loại các nghiệp vụ kinh tế thành hai nhóm: các nghiệp vụ thường xuyên, phổ biến hàng ngày và các nghiệp vụ kinh tế trong tương lai. Các nghiệp vụ kinh tế trong tương lai được hiểu là những nghiệp vụ liên quan đến những dự định về đầu tư dài hạn, các giao dịch mới có các chính sách kinh doanh... mà kế toán trưởng cần dự báo trước từ kế hoạch tài chính để có những phương pháp kế toán phù hợp, tương ứng với mục tiêu tài chính. Với cách tiếp cận đó, nội dung cụ thể chính sách kế toán bao gồm:

- Với các nguyên tắc đo lường kế toán có sự lựa chọn: cần xem xét lợi ích và chi phí của từng lựa chọn để xác định một phương pháp kế toán phù hợp. Nội dung này thường liên quan đến hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, vô hình, ghi nhận doanh thu trong các ngành dịch vụ... Do kế toán có thể thay đổi phương pháp kế toán nên cũng cần dựa vào khâu hoạch định tài chính ở bước trên để định hướng thay đổi đến những phương pháp kế toán nào cho phù hợp.

- Với các chính sách kế toán do DN tự xây dựng, phát triển vì chuẩn mực chưa đề cập tới, như đánh giá sản phẩm dở dang, thời gian phân bổ các chi phí trả trước hoặc trích trước chi phí sẽ trả...; cũng cần xem xét tác động đến mục tiêu tài chính trong khuôn



khô pháp lí cho phép. Những chính sách kế toán dạng này chính là các ước tính kế toán, hoặc những phương pháp đòi hỏi sự xét đoán của kế toán viên.

Bước 3: Công bố chính sách kế toán. Như đã đề cập ở trên, một chính sách kế toán có thể tiềm ẩn những chủ ý có lợi cho người bên trong và ảnh hưởng đến lợi ích bên ngoài. Vì vậy, để giảm thiểu sự bất cân xứng thông tin, tạo lập môi trường tốt cho nhà đầu tư thì đi kèm với việc xây dựng chính sách kế toán thì cần phải công bố rõ ràng chính sách kế toán. Việc công bố thông tin gồm cả hai phần:

- Với thông tin định tính, cần nêu rõ hơn chính sách kế toán chứ không phải “ghi lại” những nguyên tắc đã đề cập trong VAS, vì người sử dụng không phải ai cũng có am hiểu tường tận về kế toán. Đó còn là cơ sở để xác định giá trị các đối tượng kế toán

để thông tin thực sự có tính tin cậy cho người sử dụng.

- Với thông tin định lượng, biểu hiện của chính sách kế toán chính là sự thay đổi số liệu tài chính do thay đổi phương pháp kế toán giữa các năm tài chính hoặc việc giải trình số liệu chi tiết các con số tổng hợp có liên quan đến chính sách kế toán đã trình bày trên bảng cân đối kế toán hay báo cáo thu nhập. Công bố thông tin này hiện nay đã được quy định trong VAS 21 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, và trên phần thuyết minh BCTC.

4. Kết luận

Vận dụng chính sách kế toán trong doanh nghiệp phải bao gồm cả hai khía cạnh là đo lường và công

bổ thông tin. Tuy nhiên, để giảm thiểu rủi ro bất cân xứng thông tin và những gian lận khi mà DN lựa chọn chính sách kế toán không trung thực, vượt ngoài những yêu cầu của chuẩn mực kế toán thì mọi chính sách kế toán phải được sự phê chuẩn của kiểm toán viên trong kiểm toán BCTC. Nói cách khác, tạo lập môi trường pháp lý là cơ sở quan trọng khi vận dụng chính sách kế toán, theo đó các tổ chức kiểm toán độc lập phải khẳng định hơn nữa trong kiểm toán BCTC để đảm bảo thông tin có tính tin cậy và hữu ích cho người sử dụng. Do hiện nay việc kiểm

toán chỉ bắt buộc với các công ty cổ phần yết giá trên sàn, nên BCTC của các doanh nghiệp chưa kiểm toán là một vấn đề đáng suy nghĩ. Để đảm bảo tính minh bạch của chính sách kế toán thì cần mở rộng phạm vi kiểm toán đối với các BCTC của các DN có qui mô vừa, hoặc yêu cầu BCTC của các đơn vị khi vay ngân hàng cần phải được kiểm toán để đảm bảo lành mạnh hệ thống tín dụng của nước ta hiện nay■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo tài chính "giấu lãi": Đánh đổ nhà đầu tư, <http://www.vtca.vn/TabId/70/ArticleId/4099/PreTabId/66/Default.aspx>, 27/8/2010

Báo cáo tài chính của các công ty trên www.vietstock.vn

Báo động về chất lượng báo cáo tài chính, http://www.tin247.com/bao_dong_ve_chat_luong_bao_cao_tai_chinh-3-21415554.html, 26/4/2009

Fields, D.T., T.Z. Lys, và Vincent, L., (2001), "Empirical Research on Accounting Choice", *Journal of Accounting and Economics*, 31, 255–307

Gopalakrishnan, V., (1994), "Accounting Choice Decisions and Unlevered Firms: Further Evidence on Debt/Equity Hypothesis", *Journal of Financial and Strategic Decisions*, 7, 33-47

Hagerman, R., và M. Zmijewski, (1979), "Some Economic Determinants of Accounting Policy Choice", *Journal of Accounting and Economics*, 141-161.

Holthausen, R., (1990) "Accounting Method Choice: Opportunistic Behavior, Efficient Contracting and Information Perspectives", *Journal of Accounting and Economics*, 12, 207-218.

IAS 1 – Trình bày báo cáo tài chính.

IAS 8 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

Jensen, M.C., Meckling, W.H., (1976), "Theory of the Firm: Managerial Behavior, Agency Costs, and Ownership Structure", *Journal of Financial Economics*, 3, 305–360.

Leftwich, R., (1981), "Evidence of the Impact of Mandatory Changes in Accounting Principles on Corporate Loan Agreements", *Journal of Accounting and Economics*, 3, 3-36.

Modigliani, F., Miller, M., (1958), "The Cost of Capital, Corporation Finance and the Theory of Investment", *American Economic Review*, 48, 261–297.

Myers S.C và Majluf. N., (1984), "Corporate Financing and Investment Decisions When Firms Have Information that Investors Do Not Have", *Journal of Financial Economics*, 13.

VAS 21 – Trình bày báo cáo tài chính.

VAS 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.